

# **CHÍNH SÁCH KINH TẾ ĐỐI NGOẠI MỚI CỦA TRUNG QUỐC THỜI TẬP CẬN BÌNH**

Người trình bày: **TS. Phạm Sỹ Thành**

Giám đốc Chương trình Nghiên cứu Kinh tế Trung Quốc – VEPR (VCES)

Đại học Kinh tế, ĐHQGHN

**Vĩnh Phúc, 19/10/2018**

# VEPR Nội dung

1. Chính sách đối ngoại dưới thời Tập Cận Bình: những trọng tâm mới
2. Kinh tế đối ngoại Trung Quốc 2012 - 2017: một lát cắt
3. Những sáng kiến/cơ chế đã triển khai 2012 - 2017
4. Những thành tựu và thách thức chủ yếu đối với việc triển khai các hoạt động kinh tế đối ngoại
5. Những đặc điểm mới trong cách tiếp cận của Trung Quốc
6. Ảnh hưởng đến các nước (địa chính trị, địa kinh tế)
7. Phản ứng của các nước trước các chính sách mới của Trung Quốc
8. Hàm ý đối với Việt Nam

# 1. Chính sách kinh tế đối ngoại của Trung Quốc dưới thời Tập Cận Bình: Những trọng tâm mới

# VEPR Những trọng tâm mới: Trung Quốc muốn gì?

## Về trật tự quan hệ quốc tế

- Nhận định: 20 năm tới là thời kỳ “cơ hội chiến lược của Trung Quốc”
- Mục đích: Trung Quốc trở lại trung tâm của trật tự quan hệ quốc tế
- Giải pháp về chính sách đối ngoại
  - Quan hệ nước lớn kiểu mới
    - ❖ Tôn trọng lợi ích cốt lõi
    - ❖ Không can thiệp vào nội bộ
    - ❖ Chia sẻ phạm vi ảnh hưởng (TBD)
  - Quan hệ với các nước láng giềng theo hướng thật chất và gia tăng ảnh hưởng kinh tế

## Về kinh tế đối ngoại

- Nhận định trong nước:
  - Chi phí gia tăng
  - Sản xuất suy giảm
  - Chuyển đổi công nghệ
  - Lãi suất trái phiếu Mỹ thấp
- Giải pháp đối phó:
  - Giải quyết dư thừa sản lượng, tỷ suất sinh lời của vốn thấp → đẩy sản xuất ra bên ngoài
  - Cơ sở hạ tầng quy mô lớn: xuất khẩu được vốn, lao động và công nghệ
  - Tài chính trong nước được cải thiện
  - Quốc tế hoá NDT
  - Bài toán năng lượng hoá thạch

# Những trọng tâm mới: mới ở điểm nào?

Chấp nhận luật chơi

Không có phạm vi ảnh hưởng

Chấp nhận luật chơi + sửa đổi luật chơi  
+ thiết kế luật chơi mới

Tạo phạm vi ảnh hưởng

Thuận lợi  
hoá thương mại,  
đầu tư

Gia nhập  
cơ chế đa  
phương

Kết nối CSHT

Thuận lợi  
hoá  
thương  
mại, đầu  
tư

Hình thành  
một “cộng  
đồng” có  
sự gắn kết  
chặt chẽ  
hơn về tài  
chính tiền  
tệ; quốc tế  
hóa  
RMB

Thành  
lập các  
định chế  
mới

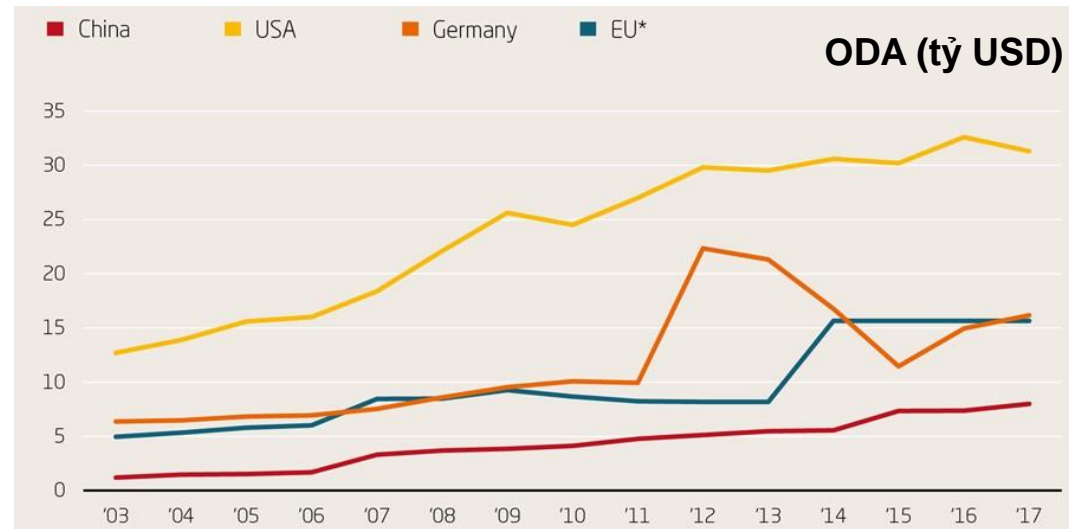
## 2. Kinh tế đối ngoại Trung Quốc 2012 - 2017: Một lát cắt

## Kinh tế đối ngoại Trung Quốc: một lát cắt - thể chế

- **Với các thể chế hiện có:** Trung Quốc đang tận dụng tối đa các “sân chơi” sẵn có để bành trướng ảnh hưởng của mình mà không cần mất chi phí kiến tạo luật chơi
  - Tham dự vào nhiều cơ chế đa phương hơn bất cứ thời kỳ nào trước đó
  - Đóng vai trò dẫn dắt trong các cơ chế đa phương cũ: RCEP
  
- **Với các thể chế mới:**
  - Tự xây dựng và vận động cho nhiều cơ chế đa phương mới: AIIB, NDB, BRI, LMC, FTAs (APFTA), CAF
  - Đưa ra các lý thuyết khu vực mới:
    - ❖ Cộng đồng chung vận mệnh của nhân loại
    - ❖ An ninh châu Á của người châu Á

# Kinh tế đối ngoại Trung Quốc: một lát cắt - số liệu ODA

- 2003 – 2017, chi tiêu cho đối ngoại của Trung Quốc đã tăng bình quân cộng dồn (CAGR) 14,5%/năm.
- 2000 – 2014, Trung Quốc đã cho vay dưới nhiều hình thức lên tới 354,3 tỷ USD Mỹ chỉ có 23% được thực hiện dưới hình thức **ODA**: 81,42 tỷ
- 10 năm của Hồ Cẩm Đào, chi viện trợ nước ngoài của Trung Quốc là 5,2 tỷ USD
- 5 năm đầu của Tập Cận Bình, con số này đã tăng lên 8 tỷ USD, tăng tới 60%
- Năm 2017, chi tiêu cho các hoạt động đối ngoại của Trung Quốc xấp xỉ 8 tỷ USD, bằng 50% so với của Đức (16,2 tỷ USD) và bằng khoảng 25% của Mỹ (31,3 tỷ USD).
- Chi tiêu đối ngoại của Trung Quốc chưa bao giờ đạt được 0,1% GDP trong suốt giai đoạn 2003 – 2017





# Kinh tế đối ngoại Trung Quốc: một lát cắt - số liệu ODA dành cho nước nào?

## Top 10 quốc gia nhận ODA nhiều nhất:

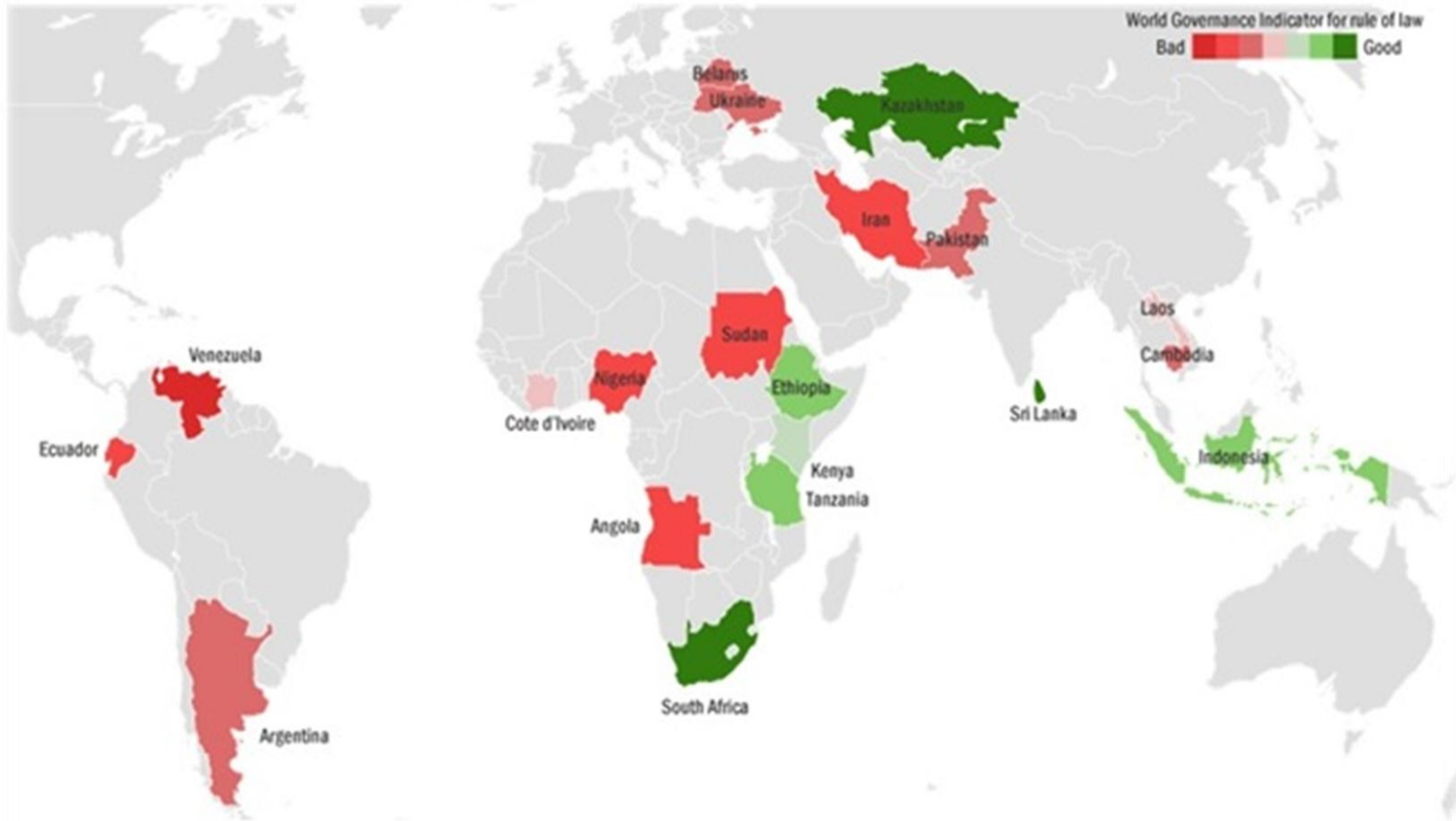
- Cuba (\$6.7 billion)
- Cote d'Ivoire (\$4.0 billion)
- Ethiopia (\$3.7 billion)
- Zimbabwe (\$3.6 billion)
- Cameroon (\$3.4 billion)
- Nigeria (\$3.1 billion)
- Tanzania (\$3.0 billion)
- **Cambodia (\$3.0 billion)**
- **Sri Lanka (\$2.8 billion)**
- Ghana (\$2.5 billion)

## Top 10 quốc gia nhận OOF (other official flows) nhiều nhất:

- **Russia (\$36.6 billion)**
- **Pakistan (\$16.3 billion)**
- Angola (\$13.4 billion)
- **Laos (\$11.0 billion)**
- Venezuela (\$10.8 billion)
- **Turkmenistan (\$10.1 billion)**
- Ecuador (\$9.7 billion)
- Brazil (\$8.5 billion)
- **Sri Lanka (\$8.2 billion)**
- **Kazakhstan (\$6.7 billion)**

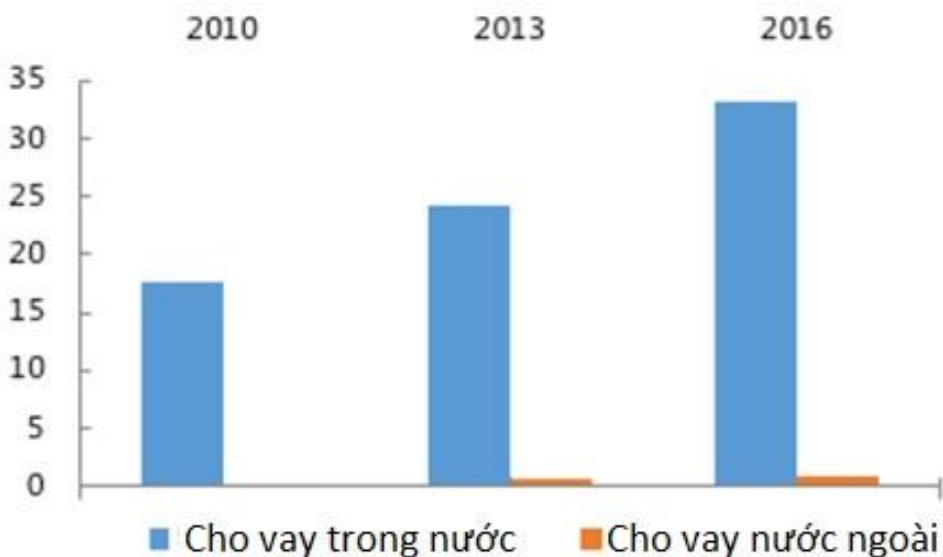
# Kinh tế đối ngoại Trung Quốc: một lát cắt - số liệu ODA dành cho nước nào giàu tài nguyên hoặc có vị trí chiến lược

Top 10 quốc gia nhận ODA và OFF nhiều nhất:

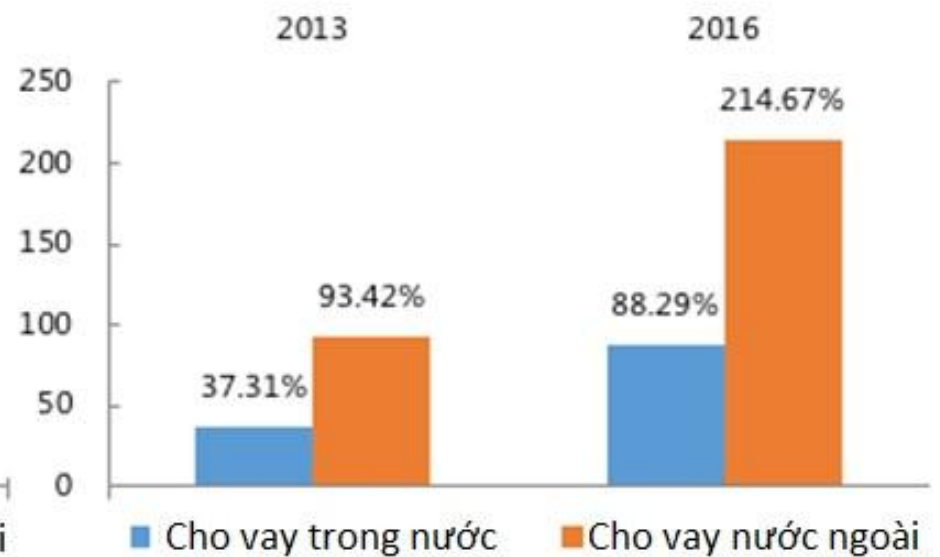


# Kinh tế đối ngoại Trung Quốc: một lát cắt - số liệu cho vay qua hệ thống ngân hàng (chính sách và thương mại)

**Tổng giá trị tài sản (nghìn tỷ USD)**

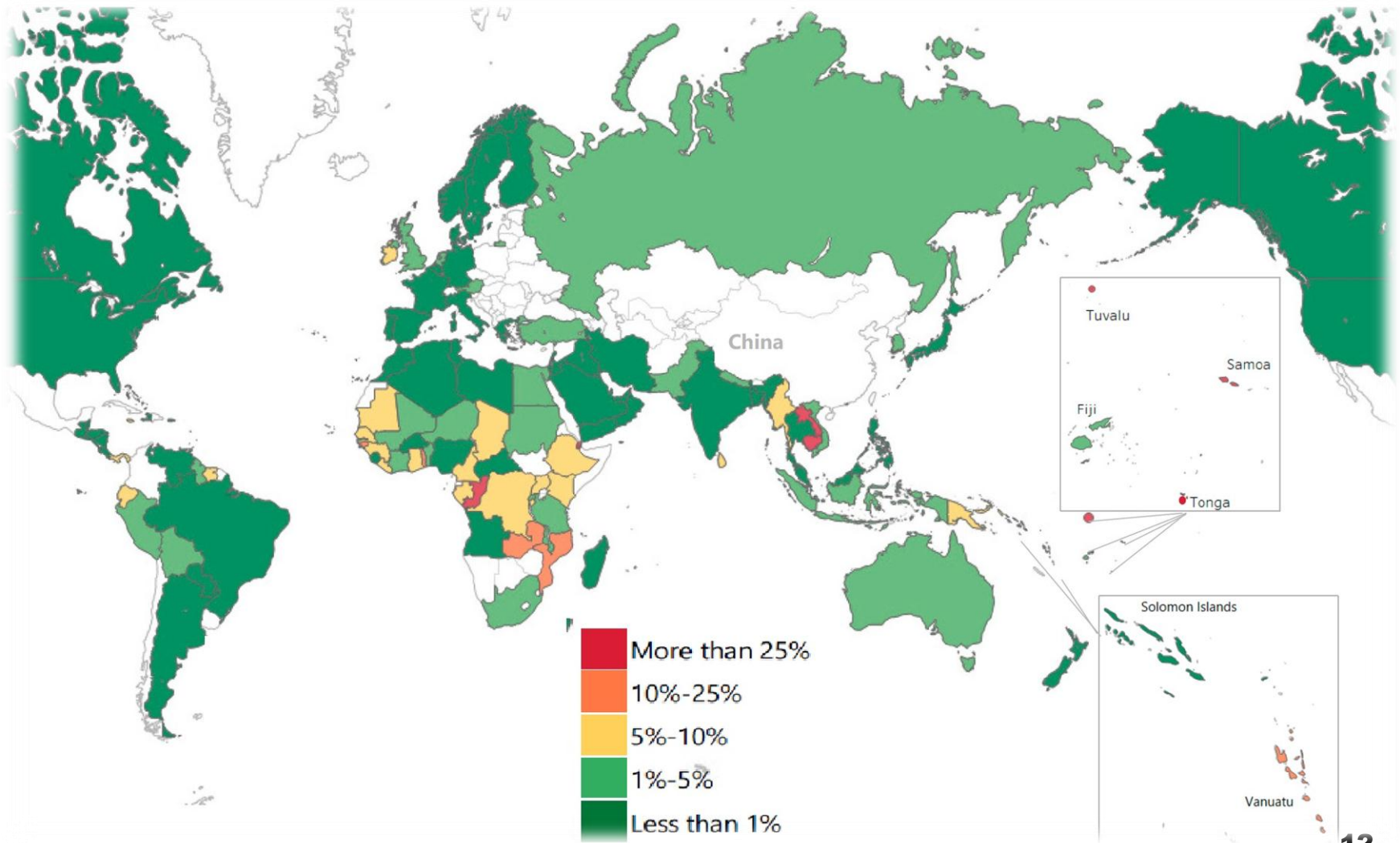


**Tăng trưởng so với cuối 2011**



# Kinh tế đối ngoại Trung Quốc: một lát cắt - số liệu cho vay qua hệ thống ngân hàng (chính sách và thương mại)

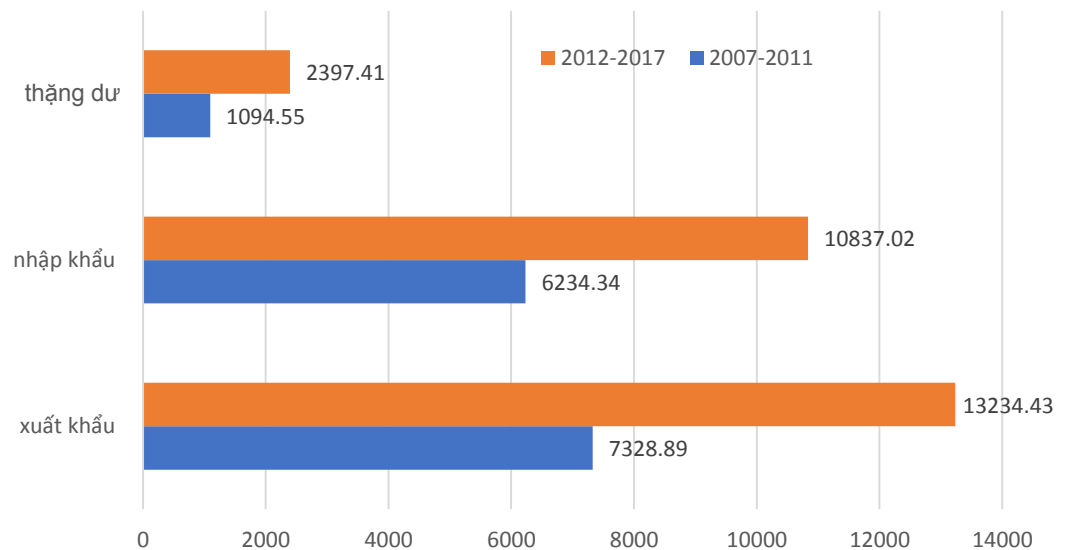
Các khoản vay từ Trung Quốc tương đương với % GDP nước đi vay (Q4 2017)



# Kinh tế đối ngoại Trung Quốc: một lát cắt - số liệu thương mại

- Xuất khẩu tăng 45%
- Thặng dư thương mại tăng 54%

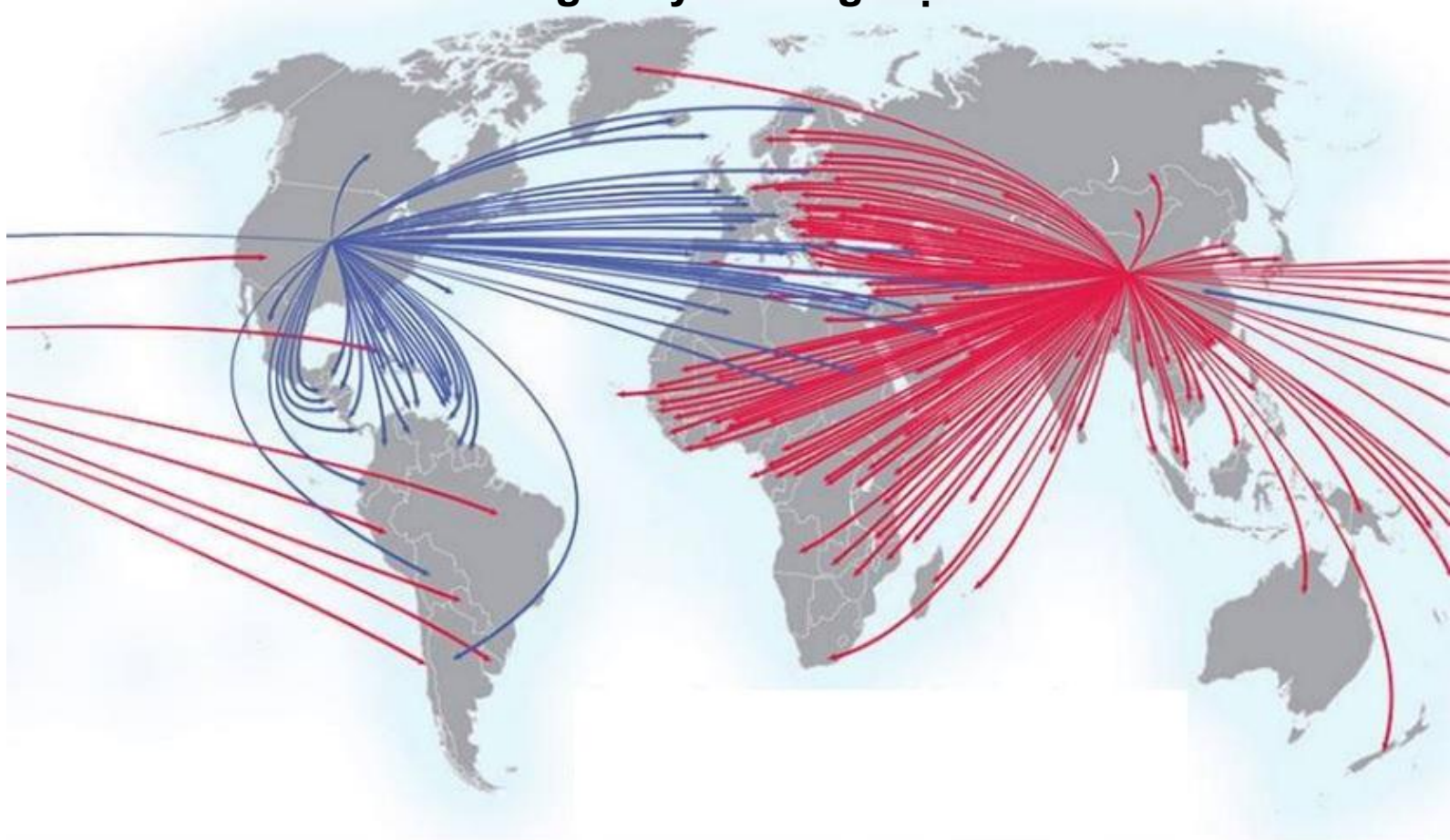
So sánh thương mại Trung Quốc theo giai đoạn (tỷ USD)



# Kinh tế đối ngoại Trung Quốc: một lát cắt - số liệu thương mại

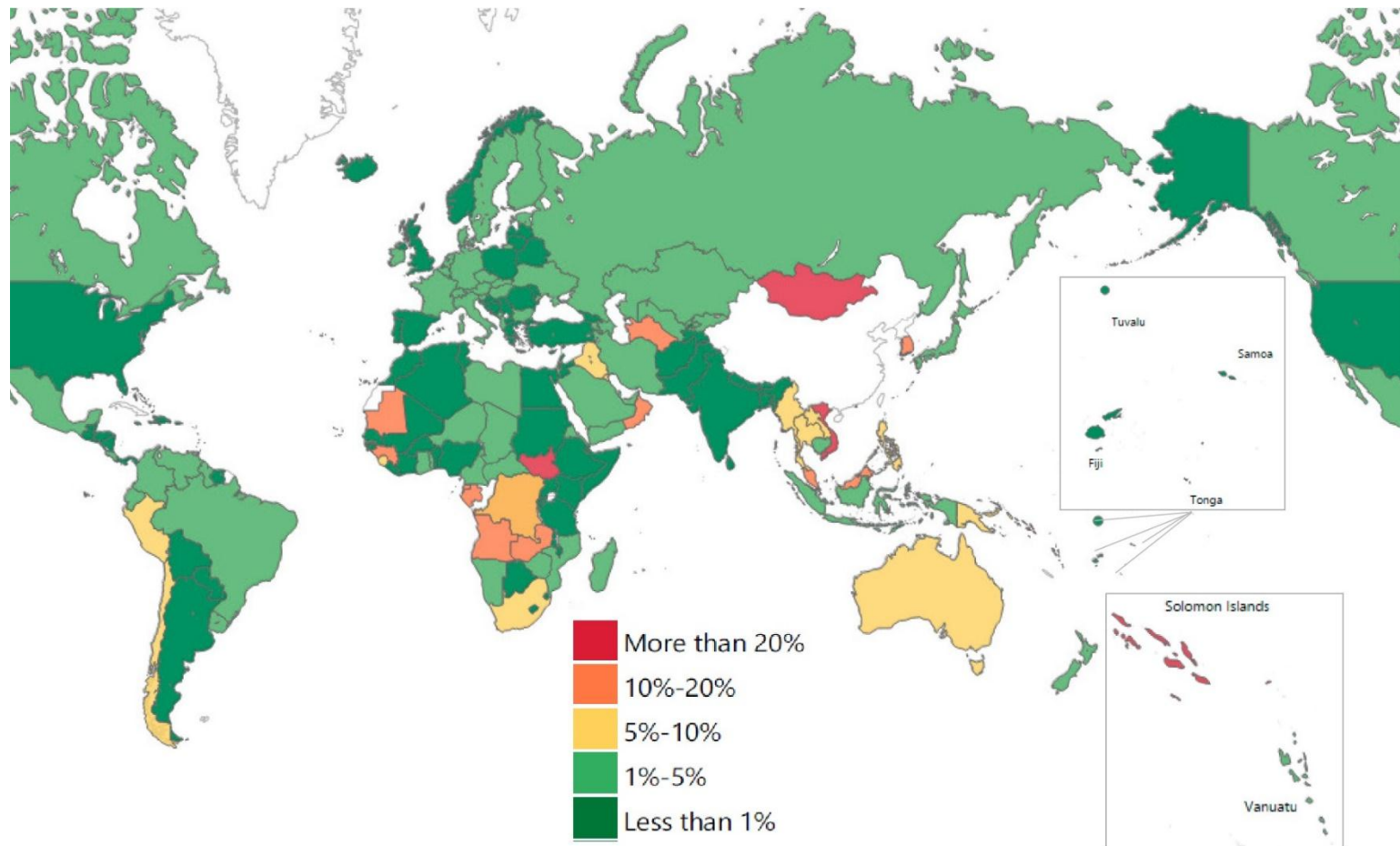
## Dòng chảy thương mại 2017

- Trung Quốc là đối tác thương mại lớn nhất của 124 quốc gia và lãnh thổ
- Mỹ là đối tác thương mại lớn nhất của 56 quốc gia và lãnh thổ

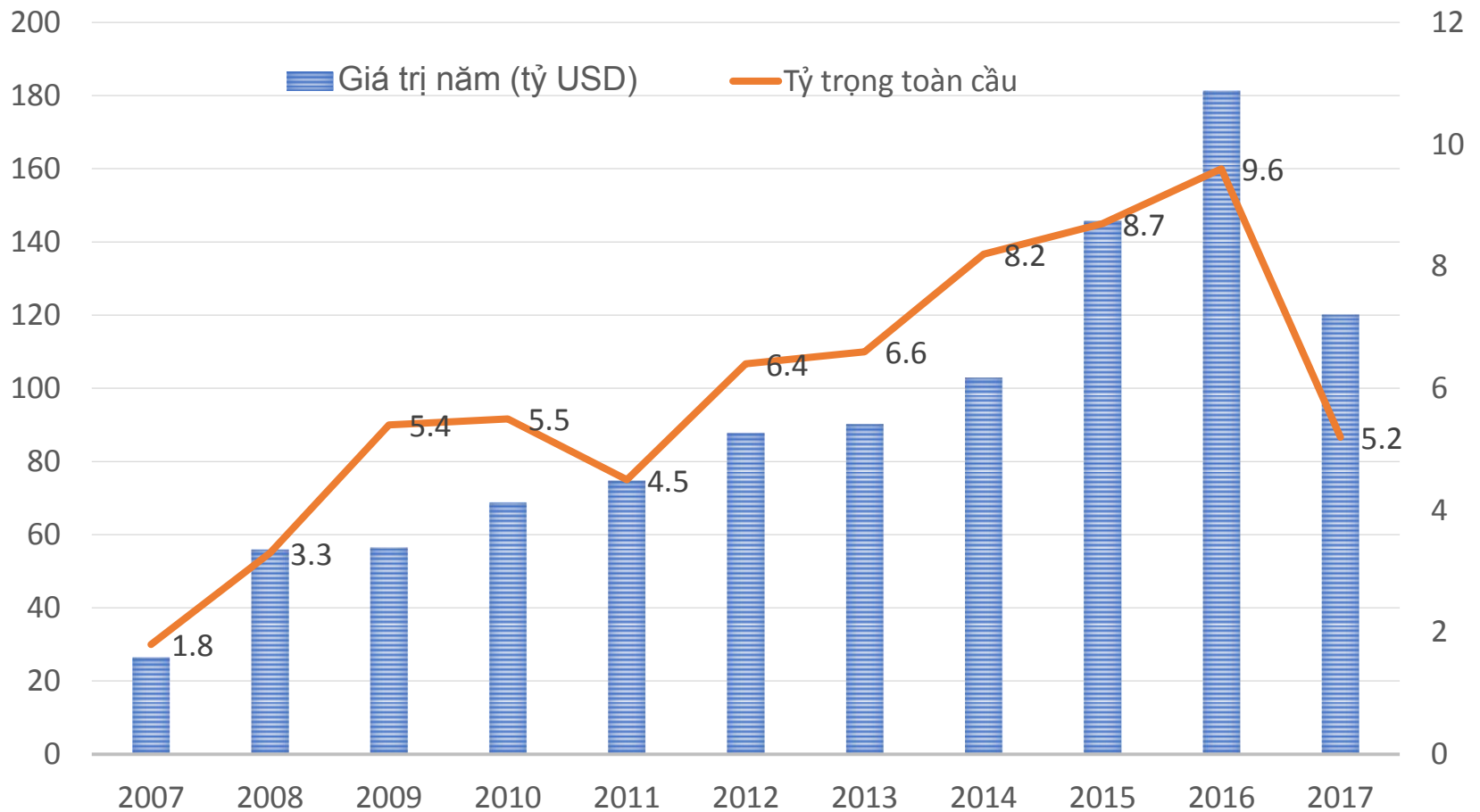


# Kinh tế đối ngoại Trung Quốc: một lát cắt - số liệu thương mại

Thương mại với Trung Quốc tương đương với % GDP quốc gia (Q4 2017)



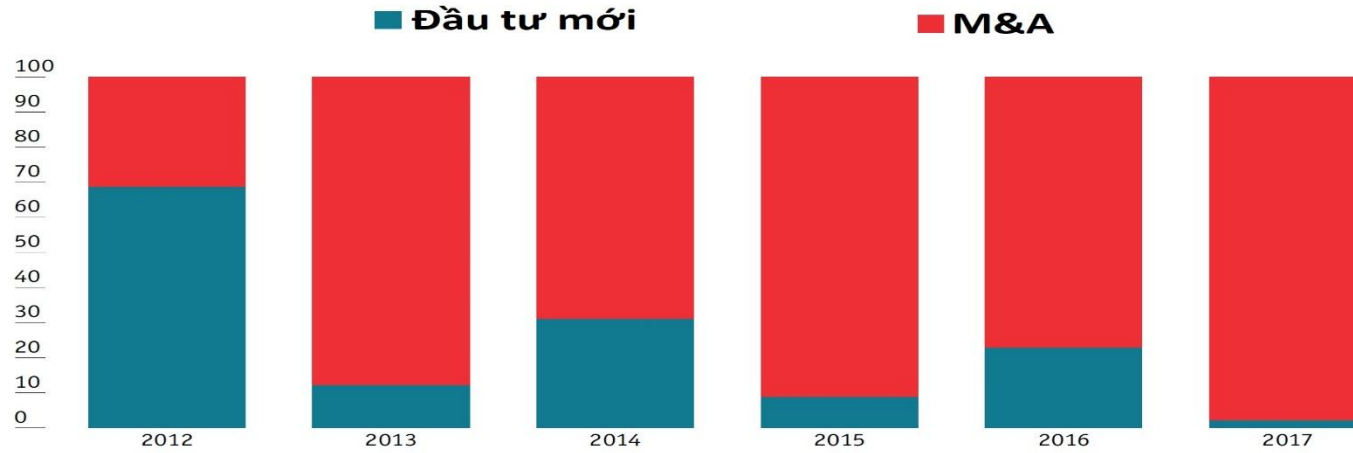
# Kinh tế đối ngoại Trung Quốc: một lát cắt - số liệu ODI



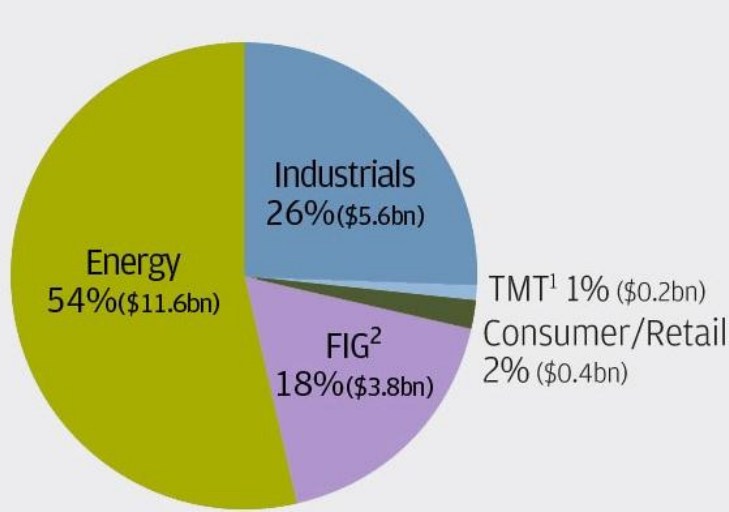


**VEPR**

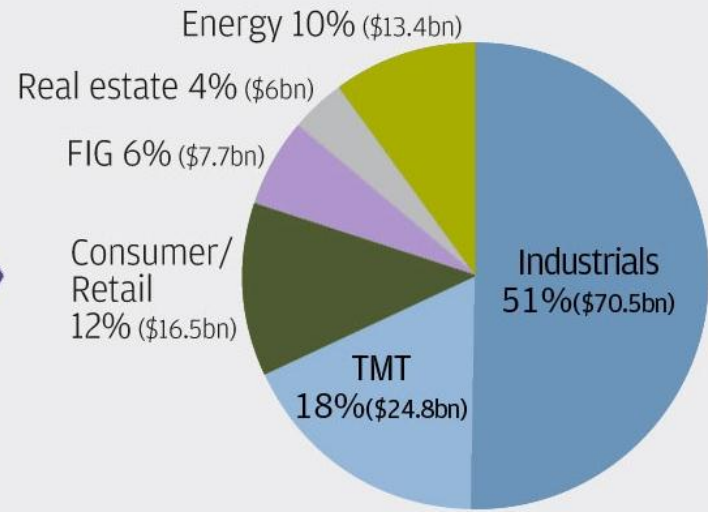
# Kinh tế đối ngoại Trung Quốc: một lát cắt - số liệu ODI



Trung bình 2005 - 2010

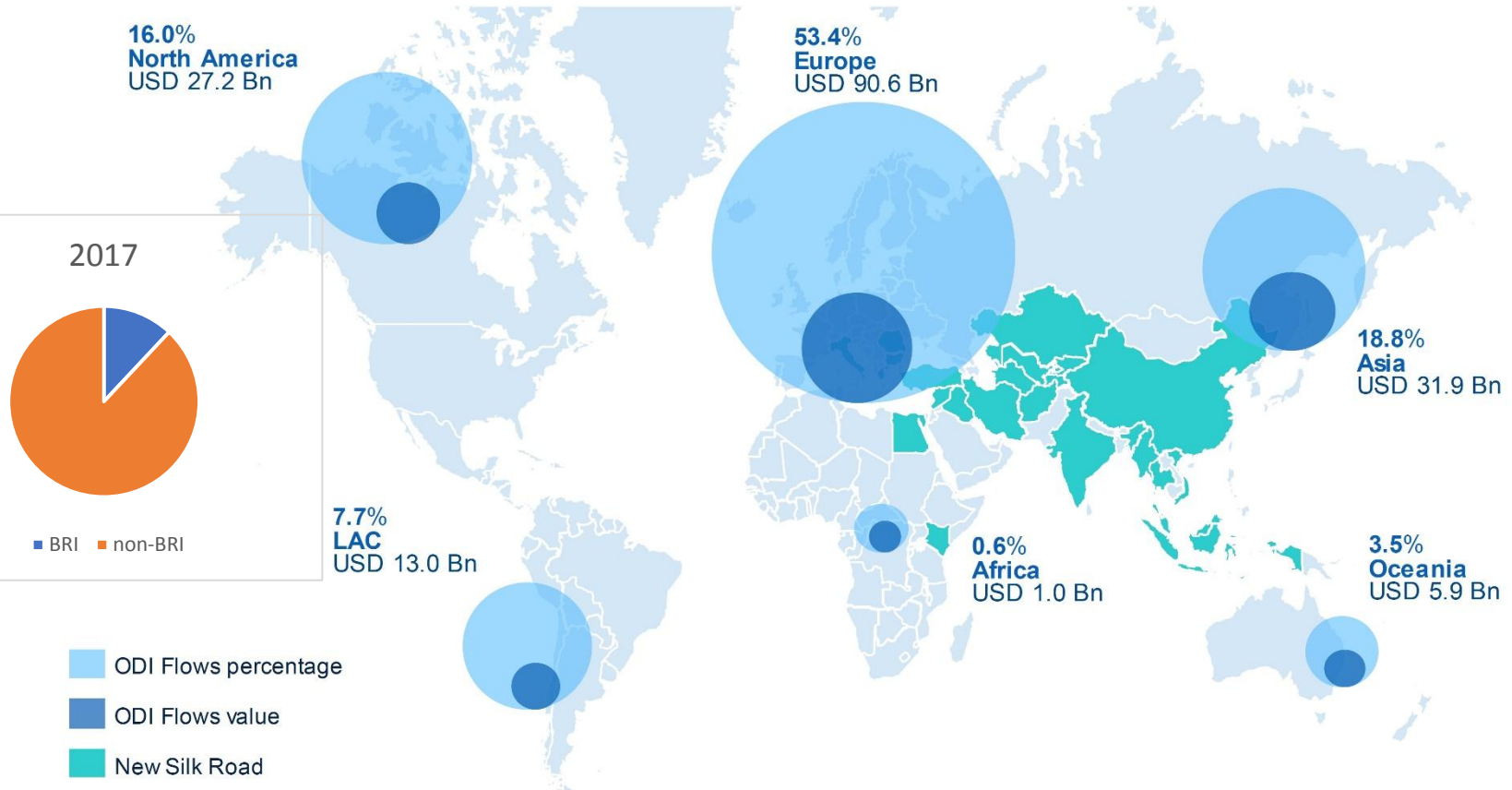


Trung bình 2010 - 2016



# Kinh tế đối ngoại Trung Quốc: một lát cắt - số liệu ODI

Vốn ODI Trung Quốc năm 2017: các nước BRI chiếm tỷ trọng không đáng kể



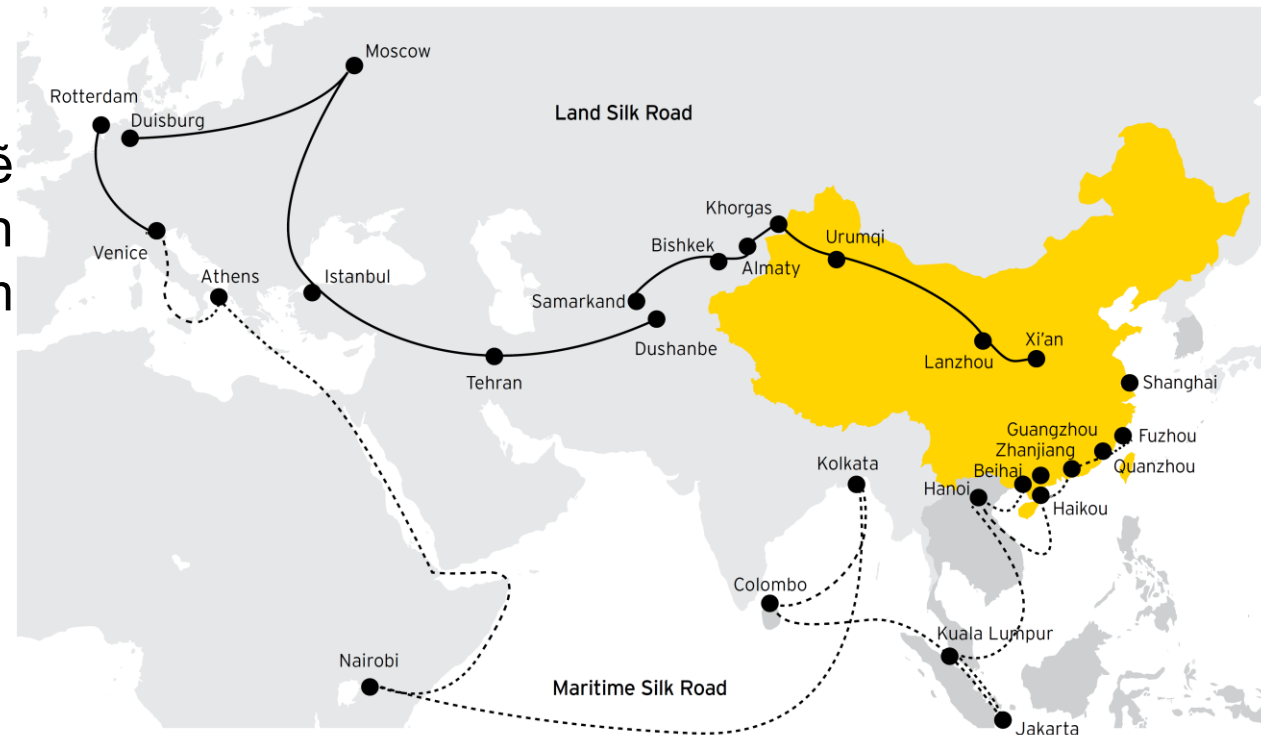
- ODI Trung Quốc tới 65 quốc gia BRI từ 14,5 tỷ USD (2016) ổn định ở mức 14,4 tỷ USD (2017), tỷ trọng trong ODI Trung Quốc thì tăng từ 8% (2016) lên 12% (2017)

### 3. Những sáng kiến/cơ chế đã triển khai

- Toàn cầu: BRI
- Vùng
  - Diễn đàn Hợp tác Trung Quốc – Châu Phi
  - Châu Âu: China + 16
  - Trung Á: SCO
- Tiểu vùng: LMC
- Song phương: CPEC, Sri Lanka

### 3. Những sáng kiến đã triển khai – 1: BRI

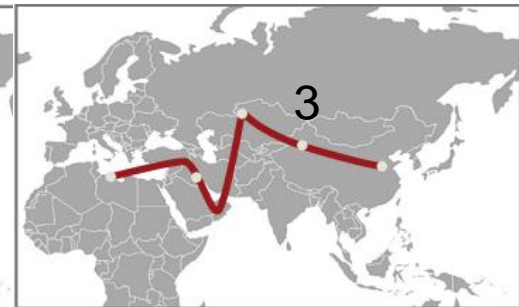
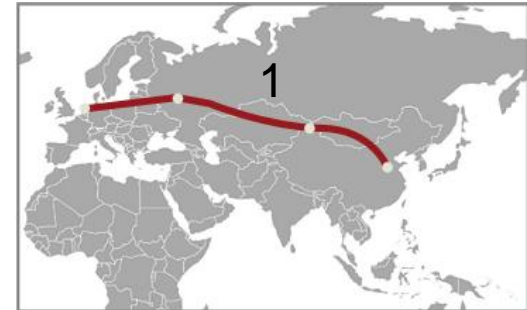
**Hình: Sáng kiến BRI của Trung Quốc**



☐ Trung Quốc dự định sẽ đầu tư 150 tỷ USD (cần 1300 tỷ cho 10 năm tới)

- Đường sắt 75 tỷ USD,
- Đường bộ 18,4 tỷ USD,
- Sân bay 17,5 tỷ USD,
- Cảng biển và cảng sông 25,4 tỷ USD

# 6 hành lang kinh tế của BRI



1. Cầu lục địa Á – Âu mới
2. Hành lang kinh tế Trung Quốc – Mông Cổ - Nga
3. Hành lang Trung Quốc – Trung Á – Tây Á
4. Hành lang kinh tế Trung Quốc – Bán đảo Đông Dương
5. Hành lang kinh tế BCIM
6. Hành lang kinh tế Trung Quốc – Pakistan

## ■ Cấp Trung ương

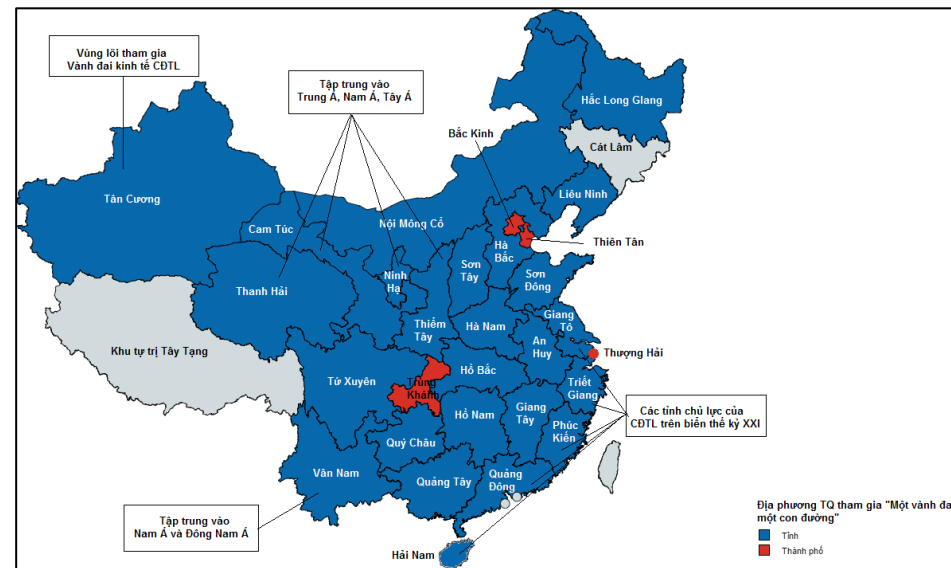
- Tháng 8/2015: văn kiện “Tầm nhìn và Hành động cùng xây dựng vành đai kinh tế Con đường tơ lụa và Con đường tơ lụa trên biển thế kỷ XXI”
- Tháng 3/2016: văn kiện “Kiến nghị của BCH trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc về xây dựng quy hoạch phát triển kinh tế và xã hội quốc dân 5 năm lần thứ 13”
- Điều lệ Đảng sửa đổi (10/2018)



## Cấp địa phương

- Tháng 3/2016, theo Ủy ban Phát triển và Cải cách Quốc gia Trung Quốc (NDRC), đã có 28 tỉnh và thành phố hoàn thành kế hoạch triển khai thực hiện OBOR ở địa phương của mình.

## Các tỉnh & thành phố Trung Quốc đưa ra chính sách thúc đẩy OBOR



Chú thích: Đường biên giới và tên gọi trong hình không phản ánh quan điểm của tác giả và tổ chức  
 Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp

## Cơ chế chính sách: đối ngoại

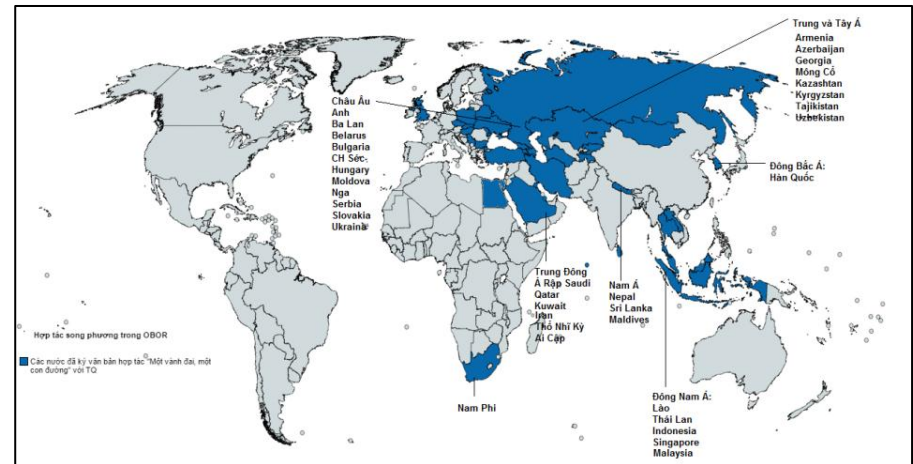
### Cơ chế đa phương

- Đối thoại hợp tác Châu Á (ACD),
- Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á và Trung Quốc (ASEAN-China);
- Hội nghị Á-Âu (ASEM);
- Hội nghị Thượng đỉnh về Phối hợp hành động và Các biện pháp xây dựng lòng tin ở châu Á (CICA);
- Tiểu vùng sông Mekong mở rộng (GMS);
- Hợp tác Mekong-Lan thương (LMC),
- Sáng kiến Greater Tumen (GTI);
- Tổ chức hợp tác Thượng Hải (SCO)

### Cơ chế song phương

- 50 nước đã ký MOU với Trung Quốc

#### Các nước đã ký văn bản hợp tác OBOR với Trung Quốc



Chú thích: Đường biên giới và tên gọi trong hình không phản ánh quan điểm của tác giả và tổ chức  
 Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp

# Huy động vốn cho BRI từ đâu? Các định chế tài chính tham gia vào sáng kiến BRI

- AIIB
- Quỹ con đường tơ lụa

Các định chế tài chính chuyên biệt dành cho BRI

- Ngân hàng chính sách
- 4 NHTM nhà nước lớn

Hệ thống các ngân hàng

- Cty TNHH CITIC
- Tập đoàn đầu tư Trung Quốc (CIC)
- Tập đoàn dân sinh Trung Quốc (CMI)

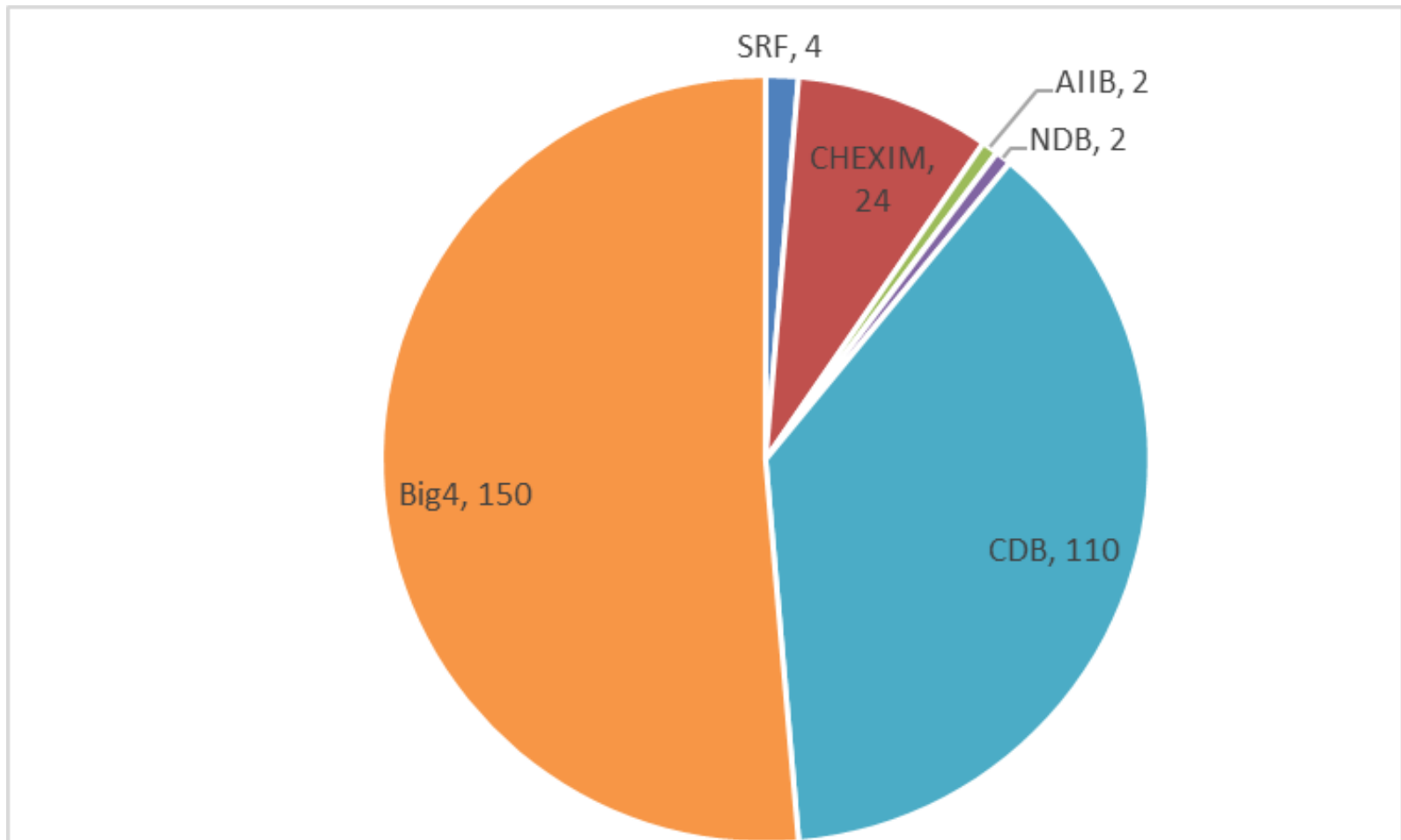
Các công ty đầu tư

- Quỹ Đầu tư Bảo hiểm Trung Quốc
- Quỹ hợp tác đầu tư Trung Quốc - ASEAN
- Quỹ Con đường tơ lụa vàng
- Quỹ Đầu tư Con đường tơ lụa Sinh thái xanh

Các quỹ đầu tư

## Huy động vốn cho BRI từ đâu?

**Hình. Cho vay tài chính phát triển của Trung Quốc đến cuối năm 2016 (Tỷ USD)**



## Hoạt động cho vay của CDB và CHEXIM: bằng 8 ngân hàng đa phương lớn nhất toàn cầu cộng lại

- 2007 – 2014, CDB và CHEXIM đã cung cấp tín dụng phát triển lên tới 118 tỷ USD cho các dự án năng lượng ở nước ngoài. Cùng thời gian đó WB, ADB, Ngân hàng phát triển châu Mỹ (IADB), ngân hàng phát triển châu Phi chỉ cung cấp 119 tỷ USD
- 2007-2014, CDB và CHEXIM cũng cung cấp các khoản tín dụng phát triển cho Châu Á, Mỹ Latin, Châu Phi vượt hơn nhiều so với ADB (33,5 tỷ USD so với 25,4 tỷ USD); AIDB (33,2 tỷ USD so với 9,6 tỷ) và NHPTCP (17,8 tỷ so với 11,6 tỷ)
- 2007-2014, CHEXIM cung cấp tín dụng phát triển với quy mô 68,4 tỷ USD, trong khi đó các định chế cung cấp tín dụng phát triển xếp từ thứ 3-8 trong Top 10 chỉ cung cấp khoảng 70 tỷ USD.

## 12 dự án nhận vốn AIIB tính đến 2017

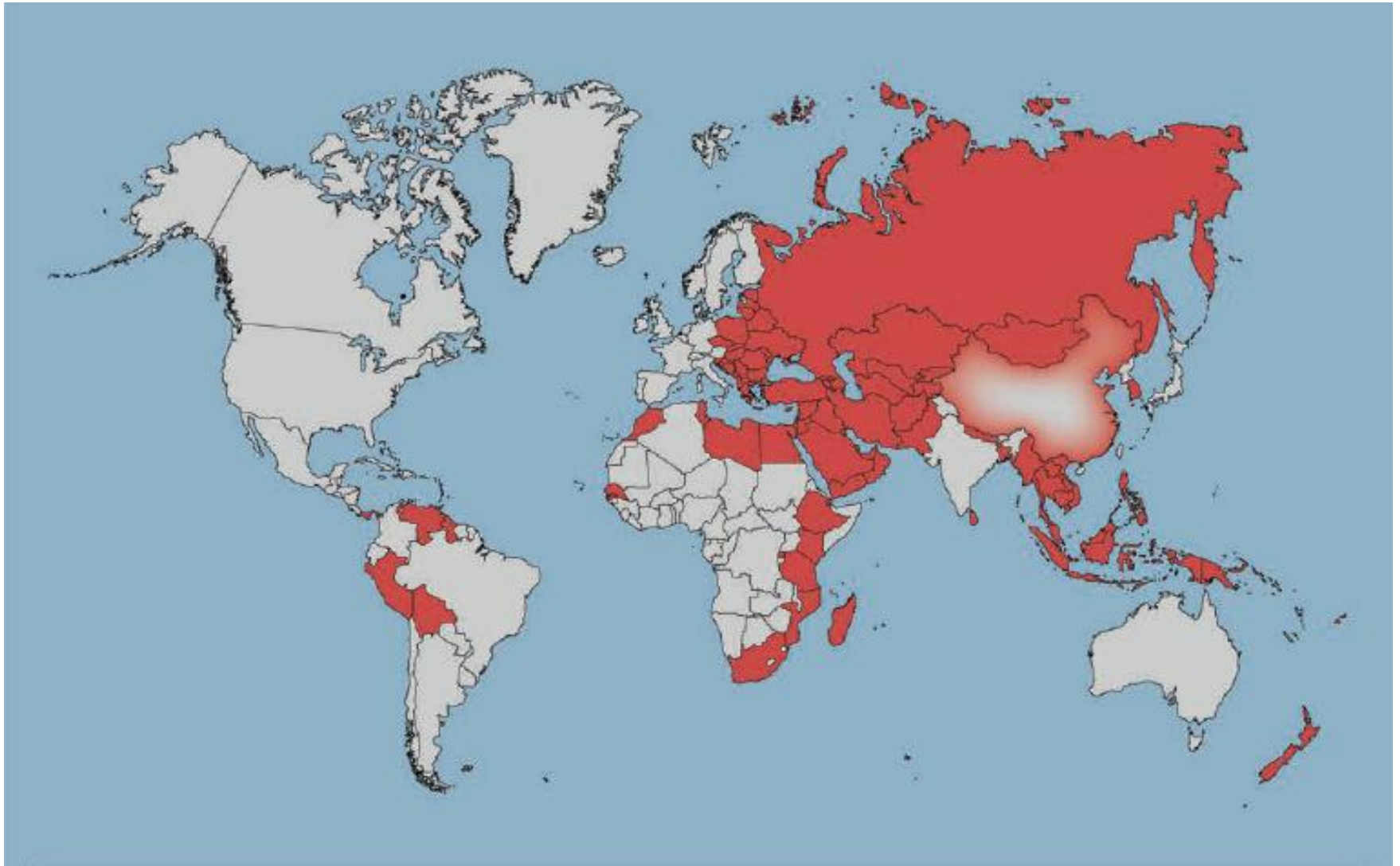
- Tổng cộng cho vay 2,015 tỷ USD
- Hợp tác với các ngân hàng phát triển đa phương như WB, ADB, EBRD
- Các khoản vay tập trung vào hai lĩnh vực: năng lượng (Bangladesh, Azerbaijan, Myanmar and Pakistan) và GTVT (Oman, Pakistan and Tajikistan)
- Tất cả các quốc gia nhận được vốn vay đều là quốc gia BRI

Approval date	Country	Project	Sector	Loan (US\$m)	Co-financing <sup>a</sup> (US\$m)	BRI corridor (author's classification)
22.03.2017	Indonesia	Dam Operational Improvement and Safety – Phase II	Multi-sector	125	WB (125)	Maritime Road
22.03.2017	Indonesia	Regional Infrastructure Development Fund	Multi-sector	100	WB (100)	Maritime Road
22.03.2017	Bangladesh	Bangladesh Natural Gas Infrastructure and Efficiency Improvement	Energy	60	ADB (167)	Bangladesh–China–India–Myanmar
21.12.2016	Azerbaijan	Trans Anatolian Natural Gas Pipeline	Energy	600	WB (800) EBRD, EIB (2,100)	China–Central and West Asia
08.12.2016	Oman	Duqm Port Commercial Terminal and Operational Zone Development	Transport	265	SEZAD (88.33)	Maritime Road
08.12.2016	Oman	Railway System Preparation	Transport	36	OGLG (24)	Maritime Road
27.09.2016	Myanmar	Myingyan Power Plant	Energy	20	ADB (N.A.) IFC (N.A.)	Bangladesh–China–India–Myanmar
27.09.2016	Pakistan	Tarbela 5 Hydropower Extension (T5HEP)	Energy	300	WB (390)	China–Pakistan
24.06.2016	Indonesia	National Slum Upgrading	Multi-sector	216.5	WB (216.5)	Maritime Road
24.06.2016	Pakistan	National Motorway M-4	Transport	100	WB (100)	China–Pakistan
24.06.2016	Bangladesh	Distribution System Upgrade & Expansion	Energy	165	–	Bangladesh–China–India–Myanmar
24.06.2016	Tajikistan	Dushanbe–Uzbekistan Border Road Improvement	Transport	27.5	EBRD (62.5)	China–Central and West Asia



**VEPR**

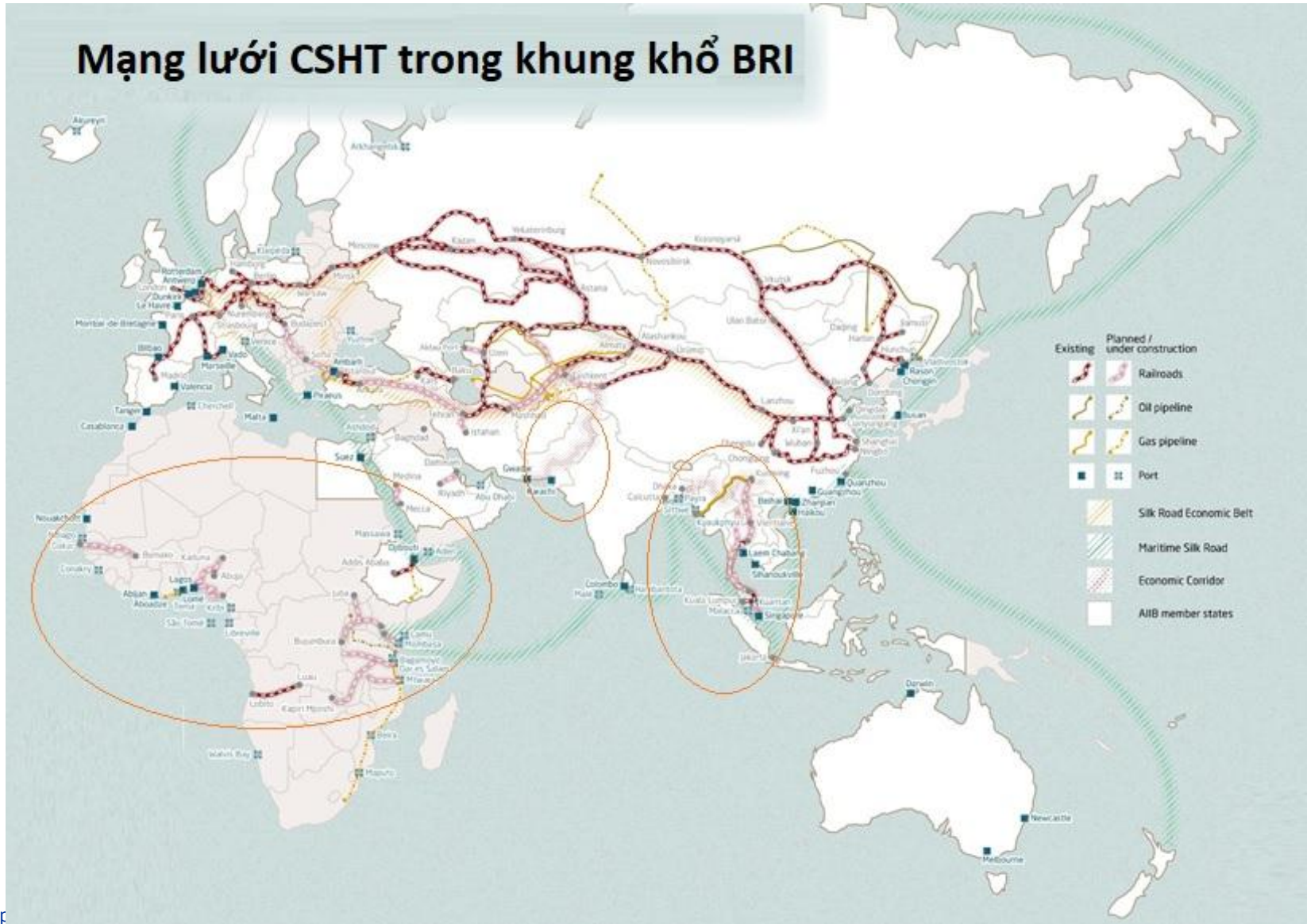
## Thực tiễn 5 năm triển khai BRI





# Thực tiến 5 năm triển khai BRI

## Mạng lưới CSHT trong khung khổ BRI



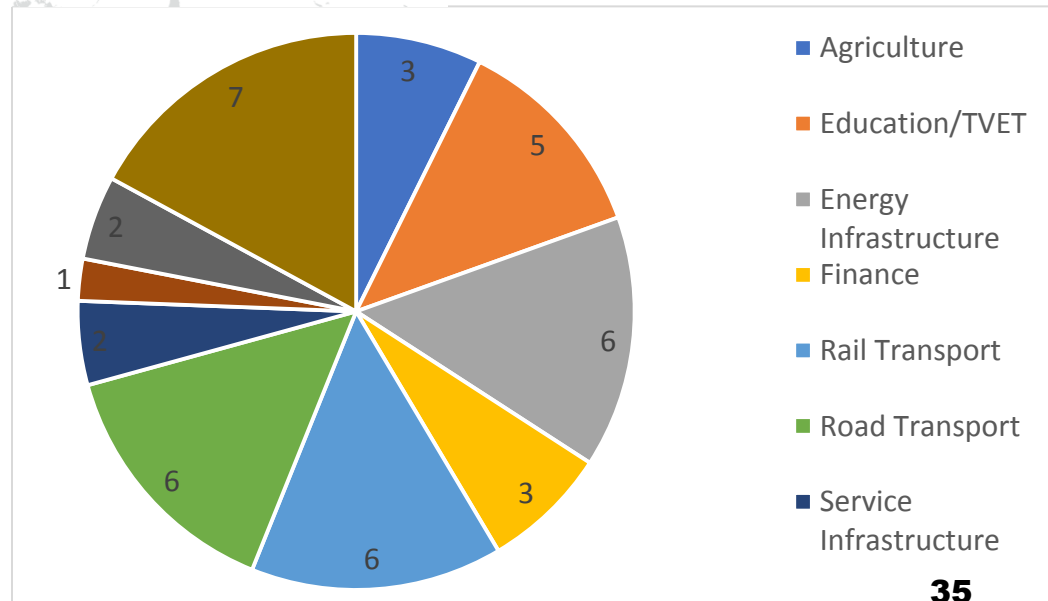
Các loại phản ứng:

- Nhóm các nước nghi ngờ: Việt Nam, Phil
- Nhóm các nước hưởng ứng mạnh: Lào, Campuchia, Malaysia, Sing
- Nhóm kiểm soát hành động: Thái Lan, Myanmar, Brunei, Indonesia

Các phản ứng này dựa trên việc

- Nhìn nhận như thế nào về rủi ro
- Nhìn nhận như thế nào về cơ hội
- Hành động - phản ứng giữa các cường quốc

# Thực tiễn 5 năm triển khai BRI ở Đông Nam Á



### 3. Những sáng kiến đã triển khai – 2: LMC

# Những gì hay hình dung về Mekong



## **Các cơ chế hợp tác khu vực hiện thời**

- Mekong River Commission (MRC)
- Greater Mekong Sub-region (GMS)
- Cambodia-Laos-Vietnam (CLV) Development Triangle Area cooperation
- Cambodia-Laos-Myanmar-Vietnam cooperation (CLMV)
- Ayeyawady-Chao Phraya-Mekong Economic Cooperation Strategy (ACMECS)
- ASEAN Mekong Basin Development Cooperation (AMBDC)
- The Japan-Mekong Regional Partnership Program
- Mekong–Ganga Cooperation
- Lower Mekong Initiative (LMI)
- Lancang – Mekong Cooperation (LMC)

2012

- The genesis of the MLC was Thailand's initiative of the Conference on Sustainable Development in the Mekong-Lancang Subregion

11/2014

- The initiative was put forward by Chinese Premier Li Keqiang at the 17th ASEAN-China Summit, held in Nay Pyi Taw, Myanmar,

4/2015

- The first MLC Senior Officials' Meeting, held in Beijing, named the Initiative as the Mekong-Lancang Cooperation.

8/2015

- The second MLC Senior Officials' Meeting, held in Chiang Rai, Thailand, reached a consensus on the MLC Concept Paper

11/2015

- the first LMC Foreign Ministers' Meeting, held in Jinghong, Yunnan Province, China: officially adopted the concept paper, implemented the LMC Early Harvest Projects, a multi-layer LMC Structure

3/2016

- the First LMC Leaders' Meeting was held in Sanya, China, with the theme "Shared River, Shared Future.": the official establishment of LMC mechanism.

12/2016

- The Second Ministerial Meeting was held in Siem Reap, Cambodia.

12/2017

- The Third Ministerial Meeting was held in Dali Bai Autonomous Prefecture, China



Những kết quả chủ yếu của thượng đỉnh lần 2 (2018)

- Thông qua kế hoạch hành động 5 năm (2018 – 2022)
- Nâng cấp mức độ thể chế hoá về hợp tác
- Là một nền tảng quan trọng để Trung Quốc thực hiện BRI

# Cơ chế hợp tác vành đai phát triển kinh tế LMC

- **Belt and Road Initiative (BRI) (3/2015)**



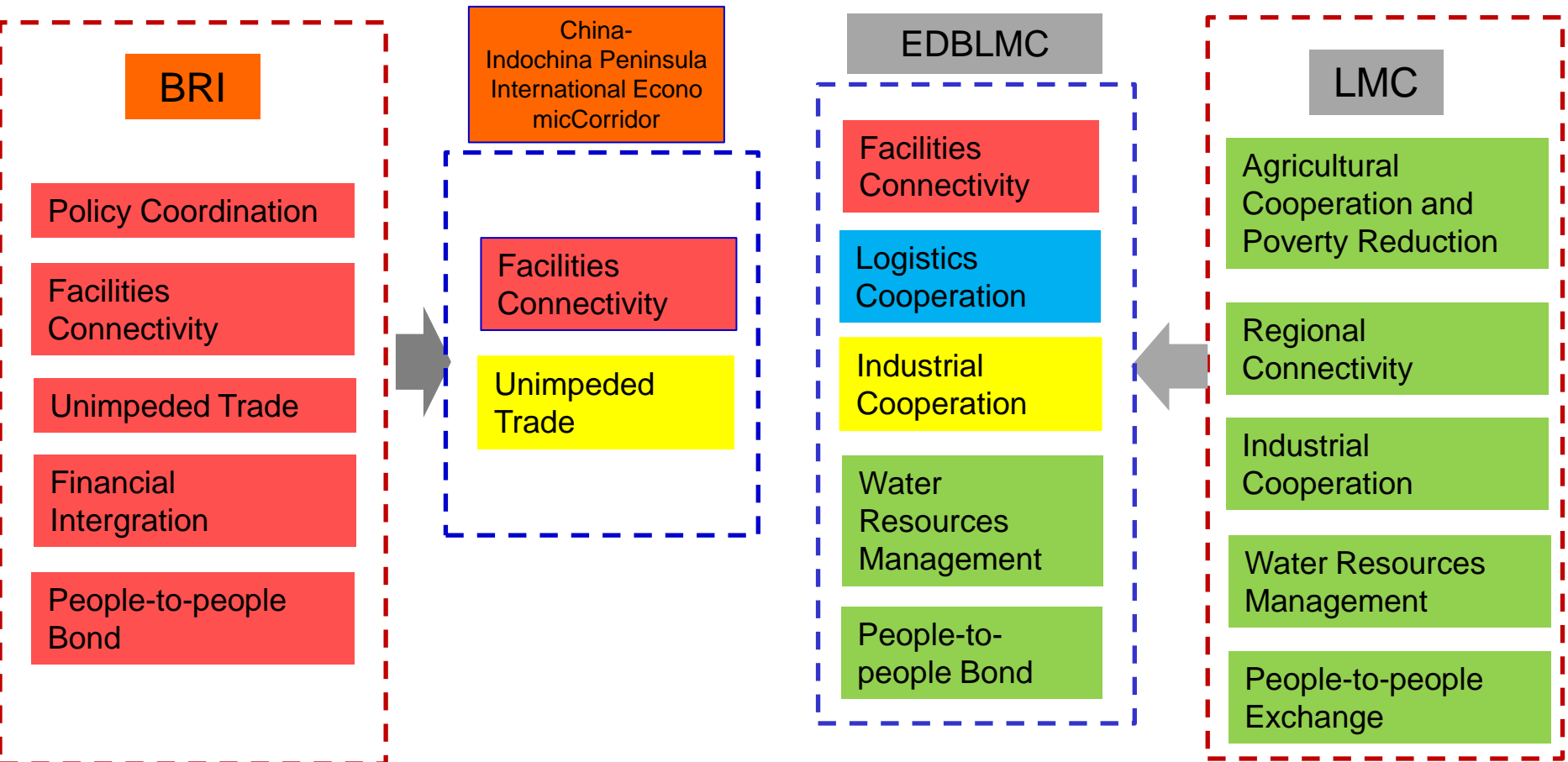
China-Indochina Peninsula International Economic Corridor (9/2015)

Mekong- Lancang Cooperation Mechanism (3/2016): the First LMC Leaders' Meeting was held in Sanya, China, with the theme "Shared River, Shared Future.": the official establishment of LMC mechanism



LMC Economic Development Belt

## Cơ chế hợp tác vành đai phát triển kinh tế LMC



## 4. Những thuận lợi và thách thức chủ yếu đối với Trung Quốc

- Thu hẹp khoảng cách giữa cung - cầu về đầu tư xây dựng CSHT: nguồn vốn Trung Quốc
- Tăng cường kết nối phần cứng và phần mềm của các nền kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng
- Có vai trò hỗ trợ cho sự ổn định và phát triển của khu vực thông qua đầu tư và cung cấp hàng hoá công
- Dẫn đến thị trường Trung Quốc rộng lớn

# Thách thức chủ yếu đối với chính sách kinh tế đối ngoại mới của Trung Quốc là gì?

## Về phía cung (Trung Quốc)

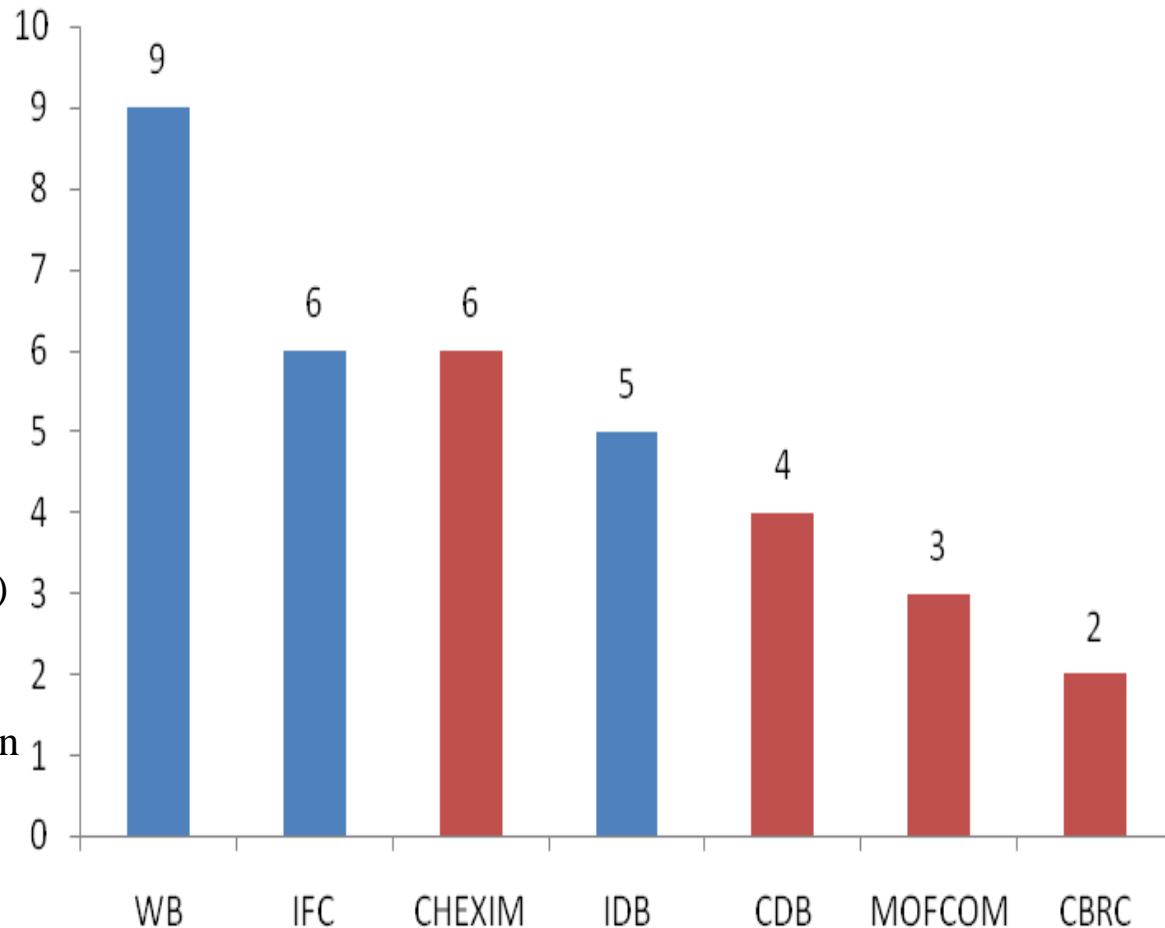
- **Tầm nhìn**
  - Tư duy của Trung Quốc
  - Định vị: sức ép của Mỹ; cạnh tranh của EU, Nhật Bản
- **Năng lực**
  - Sức mạnh cứng (quân sự)
  - Sức mạnh mềm (kinh tế, văn hóa, kinh nghiệm quản trị đa phương, niềm tin chính trị, sức mạnh CSHT)
  - Sharp power (khả năng làm việc với các chính quyền chuyên biệt)
- **Thể chế hoá**
  - Đối thoại chính sách
  - Liên minh/đồng minh: không có quốc gia phát triển đồng hành?

## Về phía cầu (các nước)

- **Tầm nhìn**
  - Lợi ích trong nước
  - Lợi ích khu vực
- **Năng lực**
  - Kinh tế
  - Quân sự
  - Năng lực quản trị
- **Quyền lực và tác động của bên thứ ba**
- **Tác động tiêu cực từ các dự án Trung Quốc cấp vốn/thi công**
  - Môi trường
  - Xã hội
  - An ninh kinh tế

## Các vấn đề về môi trường

**Hình: Số quy định liên quan đến môi trường của các định chế tài chính quốc tế**



**Chú thích:**

WB: Ngân hàng thế giới (World Bank)

IFC: Tập đoàn tài chính quốc tế

(International Finance Corporation)

CHEXIM: Ngân hàng xuất nhập khẩu

Trung Quốc (China Ex-Im Bank)

IDB: Ngân hàng phát triển các quốc gia châu Mỹ (Inter-American Development Bank)

CDB: Ngân hàng phát triển Trung Quốc (China Development Bank)

MOFCOM: Bộ thương mại (Trung Quốc) (Ministry of Commerce)

CBRC: Ủy ban Quản lý và Giám sát Ngân hàng Trung Quốc (China Banking Regulatory Commission)

## 5. Những khuynh hướng và đặc điểm mới trong cách tiếp cận của Trung Quốc



## 4 khuynh hướng lớn trong chính sách kinh tế đối ngoại của Trung Quốc

1. Dựa vào nhu cầu trong nước nhiều hơn
2. Đẩy nợ ra bên ngoài lớn hơn
3. Trật tự đa phương do Trung Quốc dẫn dắt
4. Cách thức hợp tác kiểu Trung Quốc:
  - Không bao trùm
  - không bền vững
  - Phát triển-chất lượng thấp

# 11 đặc điểm mới trong chính sách kinh tế đối ngoại của Trung Quốc

1. Thay đổi cấu trúc bộ máy tổ chức:
  - Vai trò cá nhân, tập quyền tinh anh
  - Chức năng của cơ quan viện trợ mới
2. Không hoà hoãn trong quan điểm về chủ quyền lấy lợi ích kinh tế
3. Đã có thêm hợp phần an ninh trong các sáng kiến kinh tế
4. Bảo vệ luật chơi kinh tế mới bằng nguồn lực Trung Quốc (toà án và quân sự)
5. Chú trọng vai trò của viện trợ phát triển nhưng luôn gắn với lợi ích kinh tế của Trung Quốc
6. Cách thức gắn kết, thâm nhập kinh tế thông qua cho vay
7. Quốc gia nhận vốn là quốc gia giàu tài nguyên hoặc có vị trí chiến lược
8. Có mối quan hệ mật thiết giữa tăng trưởng vốn cho vay của Trung Quốc với tăng trưởng thương mại hai chiều của quốc gia tiếp nhận → dòng vốn Trung Quốc tạo được hiệu ứng thắt chặt kinh tế
9. Có mối quan hệ mật thiết giữa các ngành có hiệu quả sử dụng tín dụng yếu kém trong nước với các ngành đầu tư ra bên ngoài
10. Ý thức được khó khăn, kêu gọi cùng huy động vốn, sáng tạo trong huy động vốn
11. **Bẫy nợ**: nguồn cung lớn và dễ tiếp cận nhưng không rõ

# Bảo vệ luật chơi kinh tế mới bằng nguồn lực Trung Quốc

## 8 thẩm phán Trung Quốc của CICC

Sử dụng Tòa án Thương vụ Quốc tế Trung Quốc (CICC) làm cơ quan xử lý các tranh chấp liên quan đến các dự án nằm trong khung khổ sáng kiến này.

8 thẩm phán sẽ được chọn (hình ảnh kèm theo) để trở thành người thụ lý các vụ tranh chấp. 8 thẩm phán đều phải là người Trung Quốc. Điều này không chỉ khác biệt với các tòa án thương mại quốc tế tại Dubai, Qatar, Abu Dhabi, Singapore, Amsterdam và Frankfurt. Và mặc dù giống với tòa án tương tự tại Belgium, Kazakhstan và Ấn Độ. Nhưng tại các tòa án nêu trên, thẩm phán có thể không cần là người nước sở tại và ngôn ngữ có thể dùng là tiếng Anh.

Ngôn ngữ chính thức mà CICC dùng để thụ lý các vụ án là tiếng Trung. Tiếng Anh chỉ được dùng để tham chiếu.

Các loại vụ tranh chấp mà CICC sẽ thụ lý có thể gồm: các dự án lớn bị kéo dài thời gian, trì hoãn; (ii) chi phí thi công đất hơn dự tính, (iii) lợi nhuận ít hơn dự kiến.

Name	Age	Undergraduate	Foreign university	Home network
 Zhang Yongjia	59	People's University	N/A	Jiangsu, Taizhou
 Wang Chuang	48	China Academy of Social Sciences	Duke University, 4 months	Liaoning, Shenyang
 Gao Xiaoli	44	University of International Business and Economics	Montreal University, 1 year	Hebei, Shexian
 Xi Xiangyang	50	People's University	University of London, 1 year	Zhejiang, Tiantai
 Sun Xiangzhuang	47	Nanjing Normal	University of Warwick, 1 year; Duke University, 4 months	Jiangsu, Jiangdu
 Shen Hongyu	43	People's University	Hong Kong University, 1 year	Zhejiang, Jiaxing
 Zhu Li	43	Beijing University	George Mason University, 1 year	Shandong, Jiaozhou
 Du Jun	39	Tsinghua University	University of Oxford, two months	Sichuan, Pingchang

Source: China International Commercial Court

SCMP

# Mức độ rủi ro từ các khoản vay của Trung Quốc

■ Minimal, very low or low risk  
 ■ Moderate  
 ■ Substantial, high, or very high  
 ■ Not currently rated  
 — Silk road economic belt   - - - Maritime silk road



- 60% các quốc gia nằm trong danh sách 68 quốc gia BRI của Trung Quốc có mức rủi ro tín dụng cao và rất cao. Chẳng hạn, 27 quốc gia được xếp vào các nước không nên đầu tư, 14 quốc gia thậm chí còn không thể xếp hạng về rủi ro tín dụng.
- Mức độ rủi ro càng cao thì khả năng giải ngân càng hạn chế: Venezuela.

## 6. Ảnh hưởng đến các nước (địa chính trị, địa kinh tế)

# Những chính sách kinh tế đối ngoại mới của Trung Quốc tái định dạng thế giới như thế nào?

- Định hình mình như cường quốc toàn cầu
- Rủi ro cho các nền kinh tế khác?
- Cung cấp phát triển chất lượng thấp

## Sẽ định hình mình như cường quốc toàn cầu

- Hệ thống CSHT lưỡng dụng và các sáng kiến “kép - mở” cho phép Trung Quốc tăng cường triển khai sự hiện diện ở phạm vi toàn cầu.
- Trung Quốc đạt được các đòn bẩy ngoại giao quan trọng nhờ bẫy nợ
- Năngoại giao lực kiểm soát chuỗi cung ứng vì các lợi ích địa chính trị của Trung Quốc sẽ gia tăng. Khi có khủng hoảng Trung Quốc có thể tạo ra những khan hiếm thị trường “nhân tạo” như một dạng thức trừng phạt kinh tế mới.
- Tạo ra sự cạnh tranh quyền lực cho các nước lớn và tình thế lựa chọn khó khăn hơn cho các nước đang phát triển

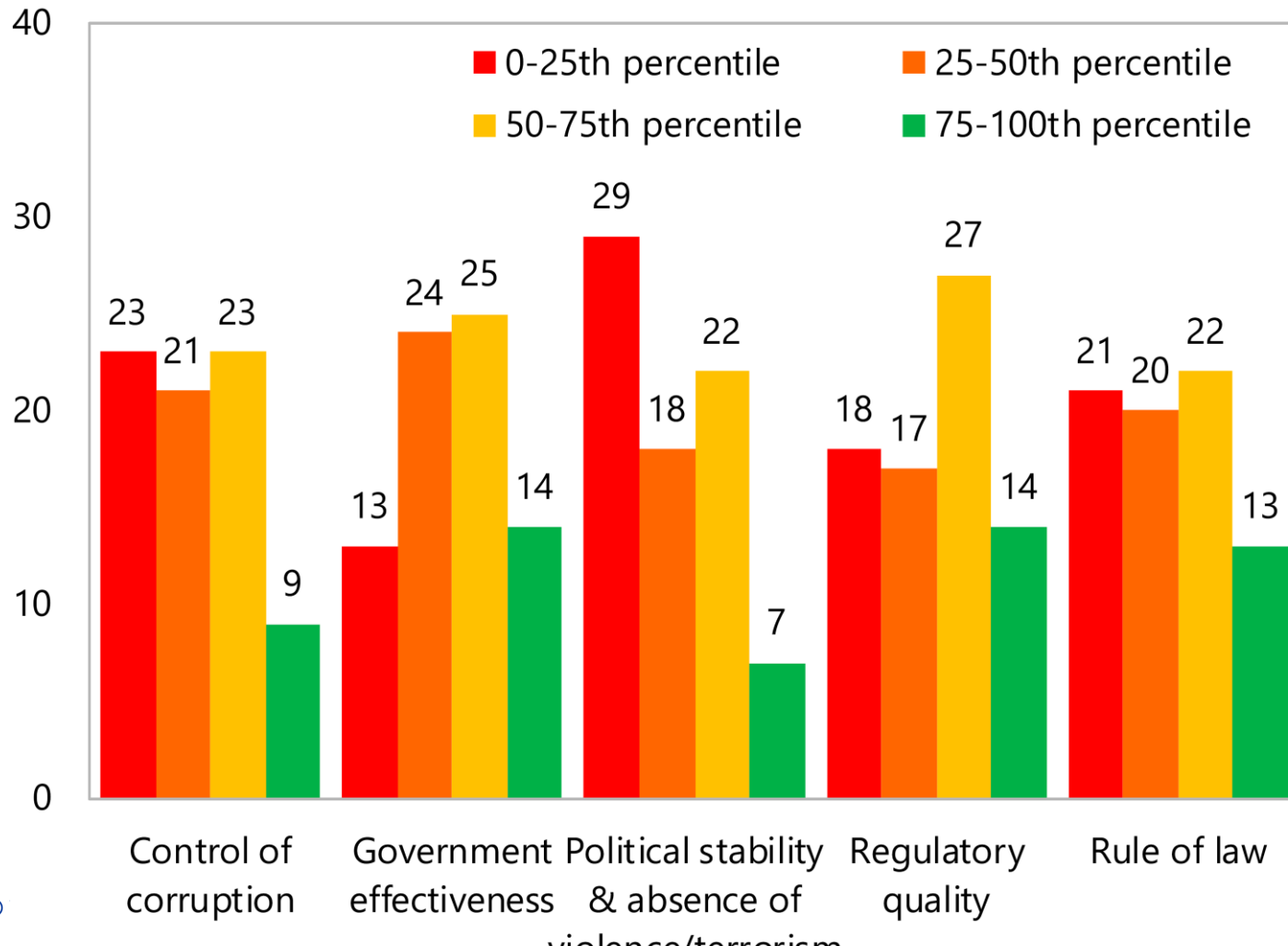
## **Đặt các nền kinh tế khác trước rủi ro trong khi tăng cường khả năng cạnh tranh của mình**

- Chuẩn mực thương mại quốc tế tiếp tục chịu sức ép khi Trung Quốc chạy đua để cung cấp các dự án CSHT, mô hình kinh tế mới và chuyển dần sang thiết kế nền tảng pháp lý mới.
- Kết nối online và sử dụng sức mạnh của IT gia tăng ảnh hưởng của Trung Quốc trong thương mại, công nghệ cao.
- Các quốc gia đối diện vấn đề nợ tăng cao đi liền với quản trị



# Sẽ làm suy giảm mức độ minh bạch và thúc đẩy phát triển chất lượng thấp

**Chỉ số quản trị của các quốc gia BRI**



## 7. Phản ứng của các nước trước các chính sách mới của Trung Quốc

## Phân loại các nhóm phản ứng

### Các quốc gia cạnh tranh

- Siêu cường và liên minh
- Cường quốc bậc trung và trung lập
- Cường quốc chung lợi ích với Trung Quốc (?)

### Các quốc gia tiếp nhận

Selected Chinese Territorial Claims



# Mỹ coi Trung Quốc là đối thủ: điều gì xảy ra nếu ông Trump không tái đắc cử?

■ Quan điểm coi Trung Quốc là mối đe dọa:

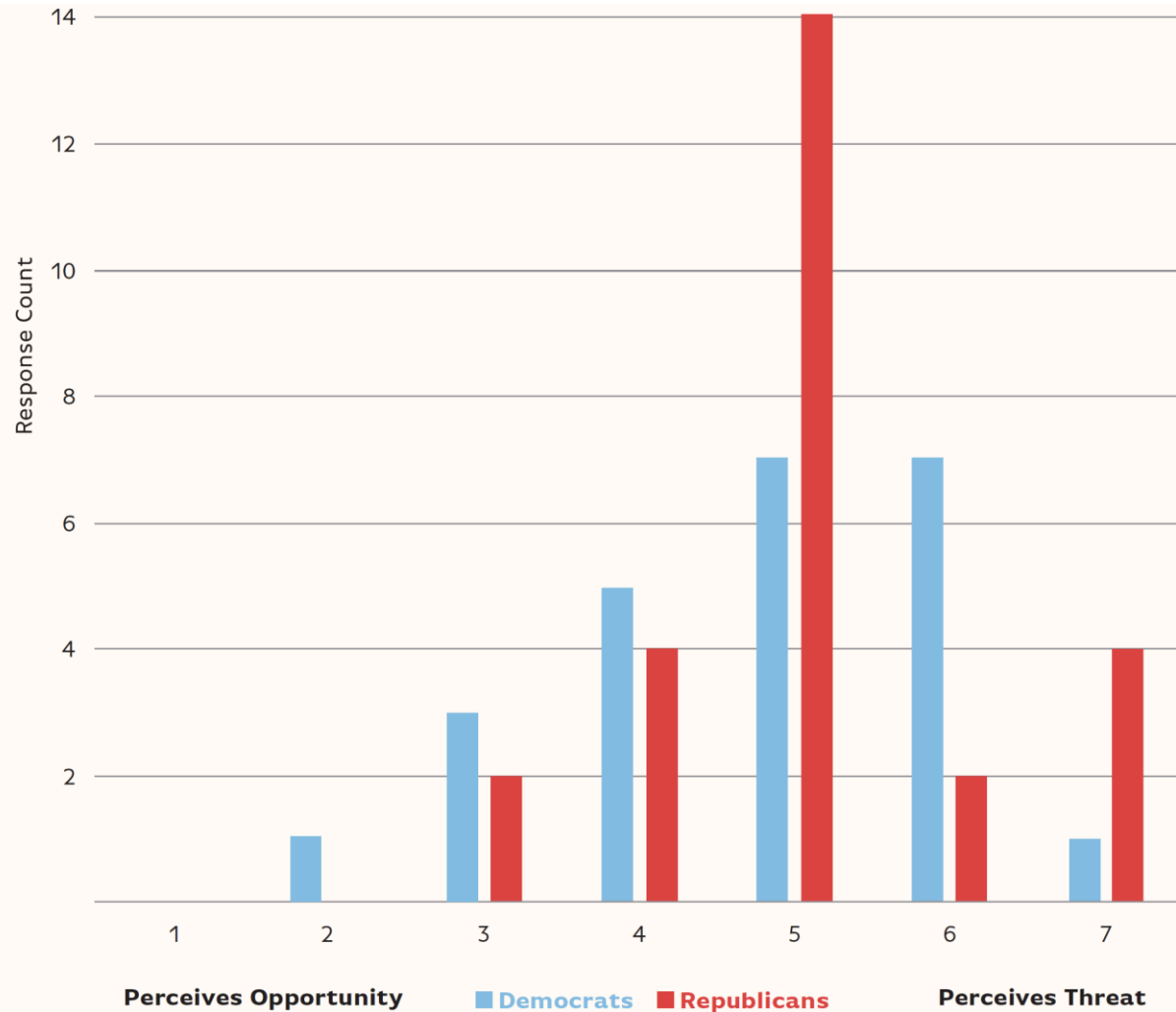
- Quân sự hoá Biển ông
- Cạnh tranh kinh tế
- Cạnh tranh công nghệ
- Vấn đề nhân quyền

■ Quan điểm tích cực: vai trò trong bán đảo Triều Tiên

■ Cải cách CFIUS, tăng quyền hạn

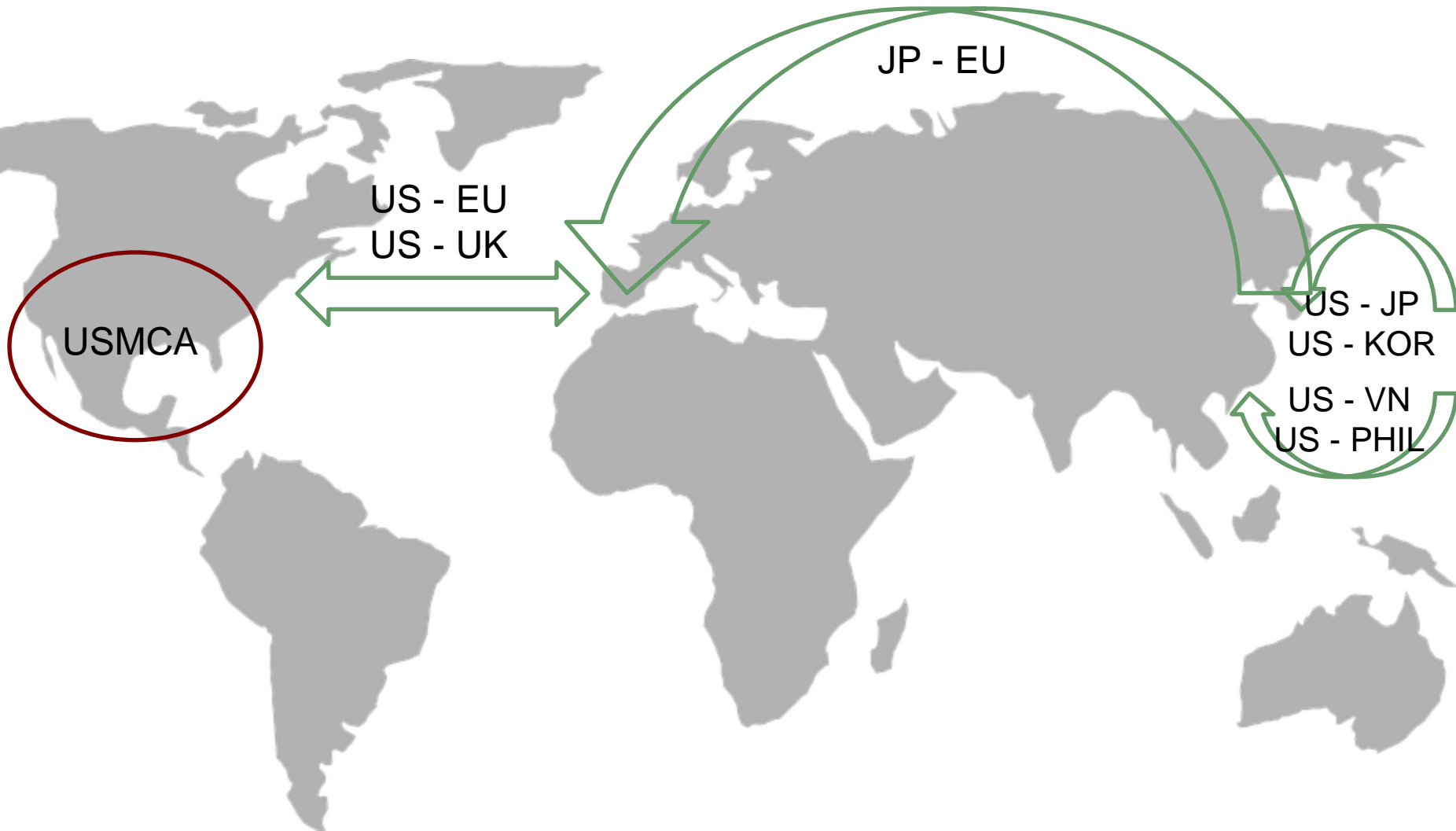
■ Thành lập cơ quan viện trợ nước ngoài - Cơ quan Tài chính phát triển Thế giới Mỹ (USIDFC) và cấp quyền sử dụng 60 tỷ USD tài trợ cho các công ty sẵn sàng làm ăn tại các quốc gia đang phát triển.

Quan điểm về Trung Quốc



**VEPR**

# Áp lực từ Mỹ và đồng minh: bao vây kiểu mới - luật chơi mới và trừng phạt kinh tế



## 8. Hàm ý chính sách đối với Việt Nam

# Trân trọng cảm ơn Q&A

Questions or discussions can be sent to:

Email: [pham.sythanh@vepr.org.vn](mailto:pham.sythanh@vepr.org.vn)

Viet Nam Institute for Economic and Policy Research,  
University of Economics and Business, Viet Nam National University  
Room 707, Building E4, 144, Xuan Thuy, Cau Giay